

**ĐA DẠNG VÀ ĐẶC ĐIỂM CHUNG
CỦA LỚP CHIM****I – MỤC TIÊU**

– Nêu được những đặc điểm cơ bản để phân biệt ba nhóm Chim chạy, Chim bay và Chim bơi cùng với những loài đại diện của từng nhóm.

– Trình bày được đặc điểm cấu tạo của đà điểu (loài đại diện cho nhóm Chim chạy, thích nghi với tập tính chạy nhanh trên sa mạc khô nóng và đặc điểm cấu tạo của chim cánh cụt (đại diện cho nhóm Chim bơi) thích nghi với đời sống bơi lội.

– Trình bày đặc điểm cấu tạo ngoài của đại diện những bộ chim khác nhau trong nhóm Chim bay thích nghi với những điều kiện sống đặc trưng của chúng (chim ở nước, chim đầm lầy, chim leo trèo, chim đào bới, chim ăn thịt ban ngày, chim ăn thịt ban đêm).

– Tìm hiểu đặc điểm chung của lớp Chim.

– Tìm hiểu lợi ích của chim về các mặt đối với đời sống con người.

II – THÔNG TIN BỔ SUNG**1. Sự thích nghi của chim với điều kiện sống**

– Chim là động vật hằng nhiệt, thân nhiệt không phụ thuộc vào nhiệt độ môi trường nên có thể chịu đựng được những nơi có điều kiện khí hậu khắc nghiệt.

– Chim có đời sống bay lượn trên không nên có khả năng bay rất xa tổ để kiếm ăn và có khả năng bắt mồi trong một phạm vi rộng rãi (trên cây, trên núi cao, trên mặt nước, trong không trung). Gặp nguy hiểm, chim có thể bay lên không trung để tránh kẻ thù tấn công từ môi trường cạn. Do thích nghi lâu đời với những nơi ở khác nhau và với những điều kiện sống khác nhau (ăn tạp, ăn thịt, ăn xác chết, ăn cá, ăn sâu bọ, ăn côn trùng, ăn hạt, ăn quả...) mà chim đã có cấu tạo cơ thể và tập tính thích hợp.

2. Giới thiệu đặc điểm sinh học của một số loài chim điển hình

Đà điểu Phi là loài chim lớn nhất hiện nay cao tới 2,5m sống đàn ở những vùng bán sa mạc châu Phi và Tây Nam châu Á. Chúng có cổ dài gần như trụ lông, chân rất to khoẻ, chỉ có 2 ngón dùng làm cơ quan tự vệ và giúp chúng chạy được rất nhanh (40km/giờ). Con trống có bộ lông đen và trắng, con mái có bộ lông màu nâu.

Đà điểu sinh sản về mùa xuân, một con trống thường sống chung với nhiều con mái. Con trống xây tổ, tổ chỉ là một hố sâu chừng 0,30m đường kính 1m. Con mái đẻ từ 12 đến 20 trứng có vỏ đá vôi da màu ngà, dài khoảng 15cm và nặng 1200 – 2000g. Chim trống và mái thay nhau ấp trứng. Sau 48 ngày trứng nở thành chim non lớn bằng con gà có thể theo bố mẹ đi kiếm ăn. Đà điểu ăn hạt, lá cây, động vật nhỏ.

Đà điểu Mĩ chỉ cao khoảng 1,7m, chân có 3 ngón, sống đàn ở đồng cỏ và cao nguyên Nam Mĩ, ăn thực vật và sâu bọ. Về mùa xuân, một con trống đi với 5, 7 con mái xây tổ và ấp trứng nặng khoảng 900g và có vỏ trắng.

Đà điểu Úc chân có 3 ngón. Mỗi lông có một lông phụ ngắn gần bằng lông chính. Cao tới 2m. Con mái đẻ khoảng 15 trứng có vỏ màu lục nhạt. Chỉ có con trống ấp trứng và chăm sóc con.

Chim cánh cụt sống thành từng đàn đông hàng vạn con trên mặt đất, mặt băng hay đá tảng hoặc trong hang sâu có nhiều đường hầm nối với nhau ở các bờ biển gần Nam Cực. Cánh cụt có phần lớn thời gian sống trong nước. Chúng bơi lặn rất nhanh, săn mồi dưới nước, ăn cá, thân mềm. Con mái đẻ 1 hay 2 trứng màu trắng. Trứng chim được chim bố mẹ ấp bằng cánh kẹp giữa 2 chân dưới lớp lông bụng rất dày. Chim non nở từ trứng được bố mẹ chăm sóc.

III – CÁC PHƯƠNG TIỆN THIẾT BỊ DẠY HỌC CẦN THIẾT

Tranh : Tranh vẽ trong bài hoặc hình có liên quan.

Vật mẫu : Các mẫu chim nhồi như công, gà rừng, vịt trời, diều hay cắt, cú lợn hay cú mèo (nếu có).

Các phương tiện khác : Bảng hình vẽ tập tính của các nhóm chim có cấu tạo thích nghi với những điều kiện sống khác nhau (nếu có).

IV – GỢI Ý TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

1. Gợi ý lời giới thiệu

Chim là lớp ĐVCXS có số loài lớn nhất trong số các lớp động vật có xương sống ở cạn. Chim phân bố rất rộng rãi trên Trái Đất, sống ở những điều kiện sống rất khác nhau. Trong bài hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu về những điều kiện sống khác nhau ảnh hưởng tới cấu tạo và tập tính của chim như thế nào ?

2. Các hoạt động

– *Hoạt động 1* : **Những đặc điểm cấu tạo của đà điểu và đặc điểm cấu tạo của chim cánh cụt thích nghi với đời sống của chúng**

Đáp án bảng 44.1 SGK. **Những đặc điểm cấu tạo của đà điểu và chim cánh cụt thích nghi với những điều kiện sống của chúng**

Tên chim	Môi trường sống	Nhóm chim	Đặc điểm cấu tạo				
			Cánh	Cơ ngực	Chân	Số ngón	Màng bơi của ngón chân
Đà điểu	Thảo nguyên, sa mạc	Chim chạy	Ngắn, yếu	Không phát triển	Cao, to, khỏe	2–3 ngón	Không có
Chim cánh cụt	Biển	Chim bơi	Bộ xương dài, khỏe	Rất phát triển	Ngắn	4 ngón	Có

Qua đáp án bảng 44.1 SGK HS có thể dễ dàng nêu được những đặc điểm cấu tạo của đà điểu thích nghi với tập tính chạy nhanh trên thảo nguyên, sa mạc khô nóng và của chim cánh cụt thích nghi với đời sống bơi lội ở biển.

– *Hoạt động 2* : **Tìm hiểu đặc điểm cấu tạo ngoài của một số bộ chim thích nghi với đời sống của chúng**

Cách thực hiện : HS tự đọc phần thông báo ở mục I–3 : Nhóm chim bay, kết hợp với hình 44.3 đọc kĩ chú thích của hình, phân tích thông tin để điền bảng SGK.

Đáp án bảng SGK. Đặc điểm cấu tạo ngoài một số bộ Chim thích nghi với đời sống của chúng

Đặc điểm	Bộ Ngỗng	Bộ Gà	Bộ Chim ưng	Bộ Cú
Mỏ	Mỏ dài, rộng, đẹp, bờ mỏ có những tấm sừng ngang	Mỏ ngắn, khoẻ.	Mỏ khoẻ, quặp, sắc, nhọn	Mỏ quặp nhưng nhỏ hơn
Cánh	Cánh không đặc sắc	Cánh ngắn, tròn	Cánh dài, khoẻ	Dài, phủ lông mềm
Chân	Chân ngắn, có màng bơi rộng nối liền 3 ngón trước	Chân to, móng cùn, con trống chân có cựa	Chân to, khoẻ có vuốt cong, sắc	Chân to, khoẻ có vuốt cong, sắc
Đời sống	Bơi giỏi, bắt mồi dưới nước, đi lại vụng về trên cạn	Kiểm mồi bằng cách bơi đất, ăn hạt, cỏ non, chân khớp, giun, thân mềm	Chuyên săn bắt mồi về ban ngày, bắt chim, gặm nhấm, gà, vịt	Chuyên săn mồi về ban đêm, bắt chủ yếu gặm nhấm, bay nhẹ nhàng không gây tiếng động
Đại diện của từng bộ Chim	Vịt trời	Gà rừng	Cát đen	Cú lợn

Cần lưu ý : Sau khi nắm vững được đặc điểm của bốn bộ chim nói trên, HS có thể nêu thêm được nhiều đại diện chim cho từng bộ, GV nên động viên các em phát biểu làm phong phú thêm các đại diện cho từng bộ. Từ đó có thể giúp các em củng cố nhận thức về đặc điểm từng bộ Chim.

Sau đây là những đại diện của từng bộ mà học sinh có thể nêu thêm :

Bộ Ngỗng : vịt, ngan, ngỗng, le, mòng két, uyên ương, thiên nga...

Bộ Gà : công, trĩ, gà tiền, gà lôi, gà so, gà gô (đa đa), gà rừng...

Bộ Chim ưng (còn gọi là bộ Cắt) : diều hâu, đại bàng, kền kền, ó cá...

Bộ Cú : cú lợn, cú mèo, cú vọ, dù di...

Trong thực tế một loài chim có cùng một tên gọi có thể bao gồm nhiều loài khác nhau trong cùng một giống. Ví dụ gà lôi có thể gồm gà lôi trắng, gà lôi hồng tía, gà lôi lam mào đen... song chúng đều nằm trong giống gà lôi thuộc bộ Gà.

– *Hoạt động 3* : **Tìm hiểu đặc điểm chung của Chim**

Cách thực hiện : GV có thể tham khảo bảng 44.2 SGK.

Đáp án bảng 44.2 SGK. **Đặc điểm chung của lớp Chim**

Môi trường sống	Lông	Chi trước	Hàm trên	Cơ quan hô hấp	Cơ quan tuần hoàn			Cơ quan sinh sản			
					Tâm thất	Máu trong tâm thất trái	Máu nuôi cơ thể	Bộ phận giao phối	Cỡ trứng, vỏ bọc	Sự phát triển trứng	Nhiệt độ cơ thể
Cạn Trên không Nước	Lông vũ	Biến đổi thành cánh	Có mỏ sừng bao bọc	Phổi có mạng ống khí, túi khí	Có vách ngăn hoàn toàn	Máu đỏ tươi	Máu đỏ tươi	Bộ phận giao phối tạm thời	Lớn, có vỏ đá vôi bao bọc	Chim bố, mẹ ấp	Hàng nhiệt

– *Hoạt động 4* : **Tìm hiểu vai trò của chim**

Cách thực hiện : GV thuyết trình vai trò của chim dựa vào mục III – Vai trò của chim, nhấn mạnh một loài chim có thể vừa có ích vừa có hại, do đó phải đánh giá mặt nào là cơ bản đối với loài chim đó. Cũng phải nhấn mạnh tới nguyên nhân gây ra sự giảm số lượng các loài chim. GV đề xuất các biện pháp để bảo vệ nguồn lợi chim. Các biện pháp này cũng tương tự như các biện pháp bảo vệ lưỡng cư và bò sát.

V – KẾT LUẬN

GV hướng dẫn cả lớp thảo luận tham gia tóm tắt bài bằng những câu hỏi sau :

1. Nêu tên các nhóm chim hiện nay và những đặc điểm cơ bản để phân biệt ba nhóm chim này.
2. Nêu những đặc điểm cấu tạo ngoài của chim thích nghi với sự bay lượn.
3. Nêu đặc điểm chung của lớp Chim.
4. Nêu vai trò của chim trong tự nhiên và đối với con người.

VI – ĐÁP ÁN CÂU HỎI CUỐI BÀI

Câu 1 : GV có thể tham khảo bảng trong SGK : So sánh đặc điểm cấu tạo (mỏ, cánh, chân) ; đối chiếu với đời sống của đặc trưng từng bộ.

Câu 2 : Có thể tham khảo phần ghi nhớ.

Câu 3 : GV có thể tham khảo những thông tin ở mục III SGK – Vai trò của chim. Mặt khác GV có thể huy động vốn nhận thức của HS để đưa ra những ví dụ cụ thể minh họa cho lợi ích và tác hại của chim đối với con người.

VII – TÀI LIỆU THAM KHẢO

Các tài liệu số : 1, 9, 12, 14, 15, 16, 17, 21, 22 phần 2 SGK.